FireAnt

CTCP Mirae (HSX: KMR)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,040
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,570
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,830
SL cổ phiếu LH	56,877,807
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,430
% sở hữu nước ngoài	62.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	173
P/E	33.3
EPS	91

	YTD	1T	3T	6T
KMR	-6.2%	-2.6%	-8.4%	-6.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

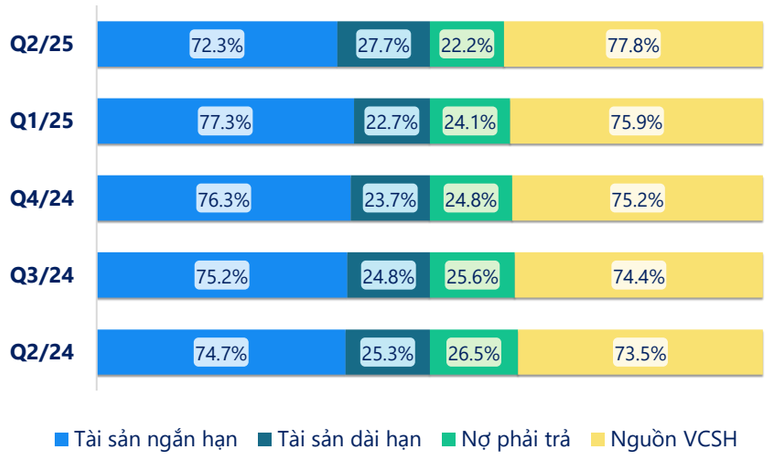

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

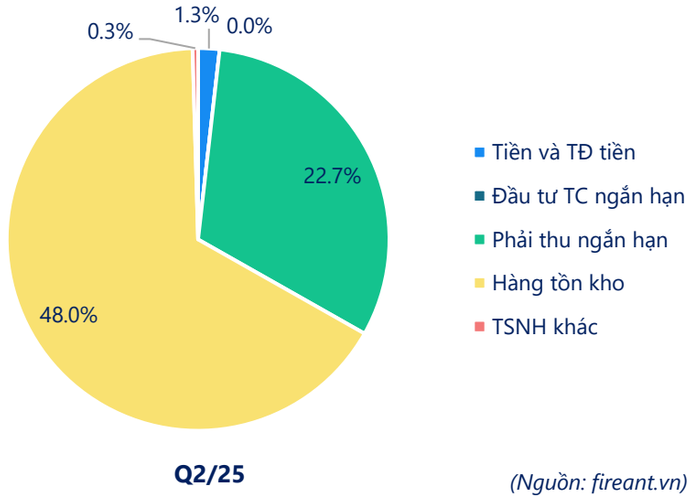

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

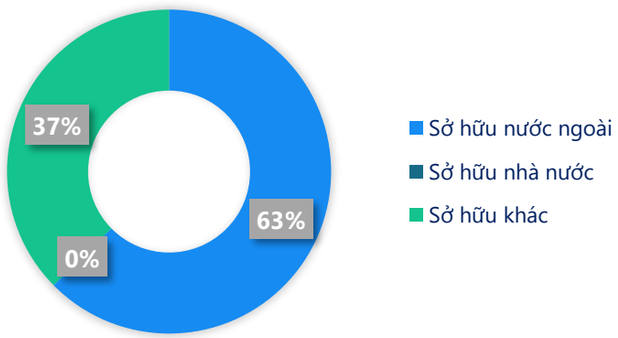

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

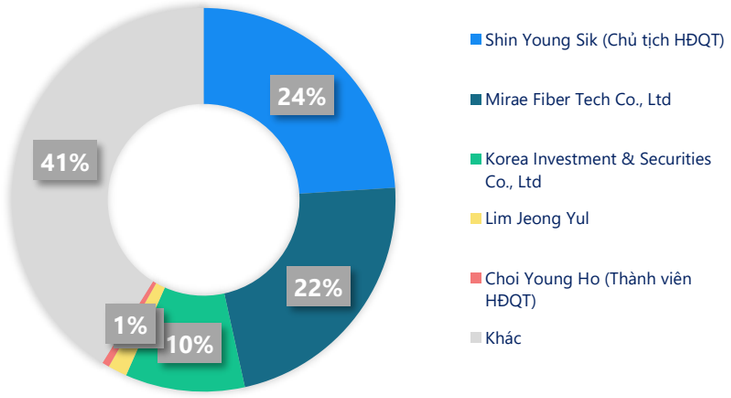

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

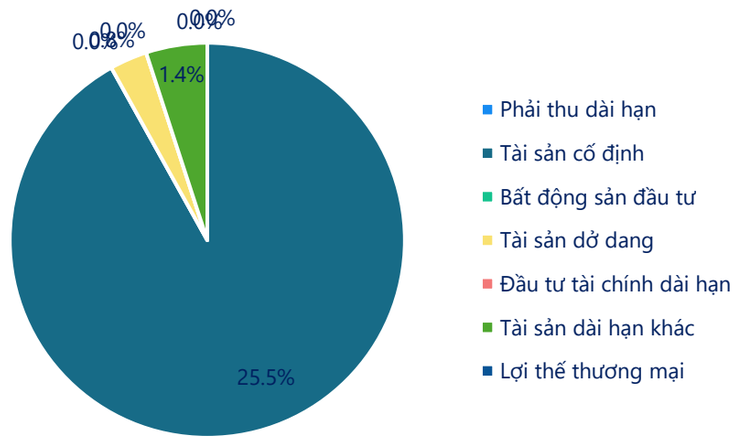

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Mirae (HSX: KMR)

Tiền và tương đương tiền

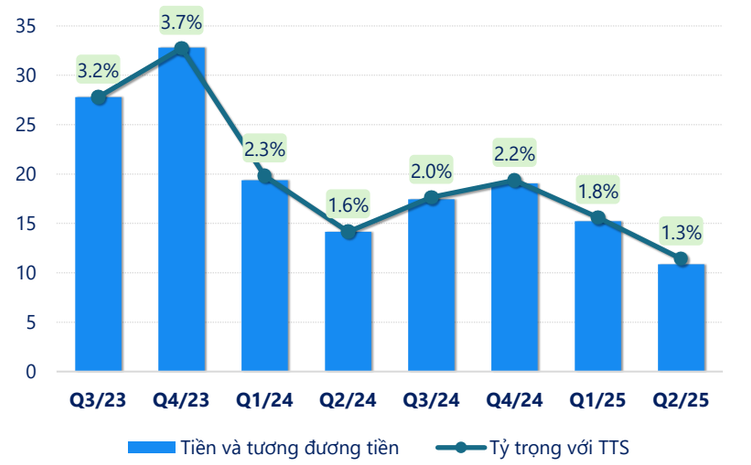

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

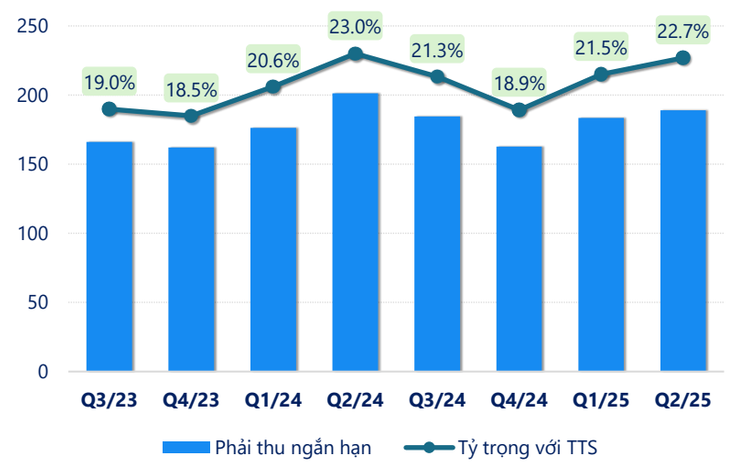

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

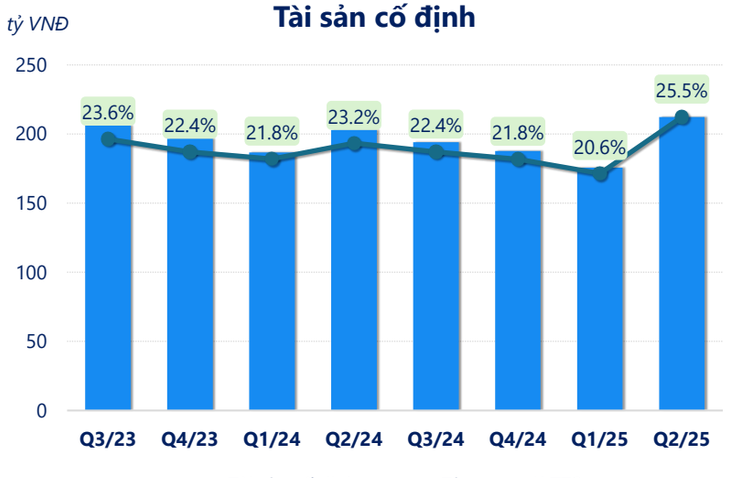

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

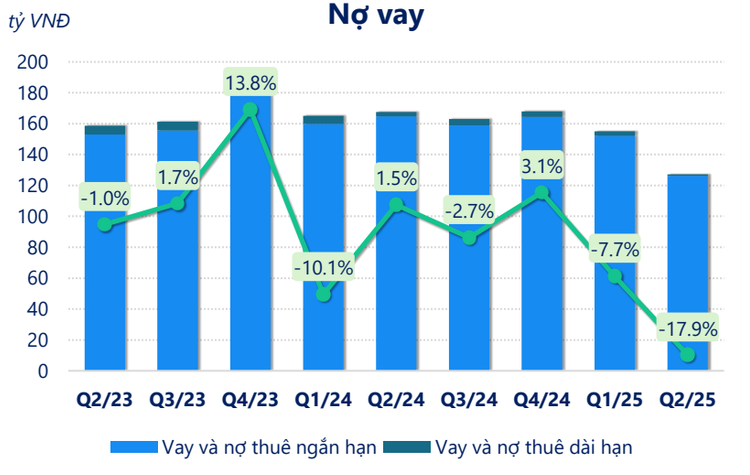

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

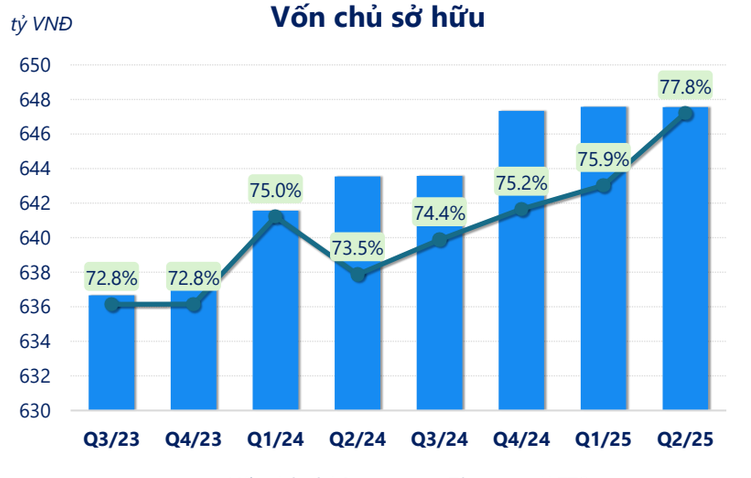

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Mirae (HSX: KMR)

Kết quả kinh doanh

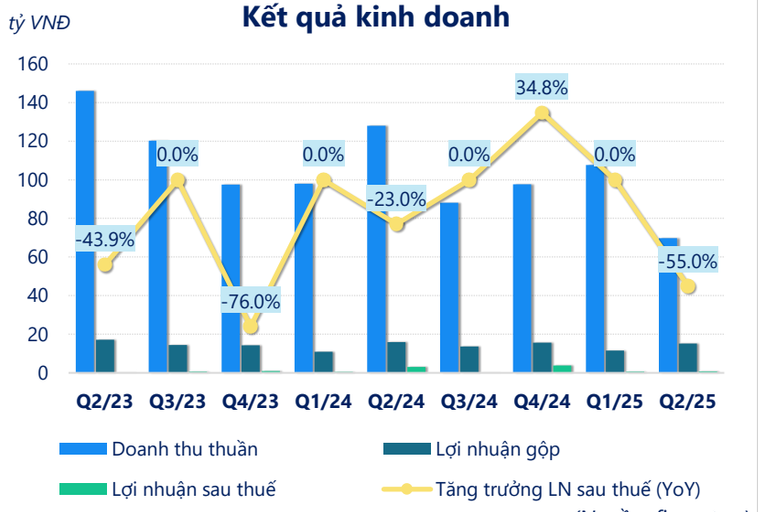

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

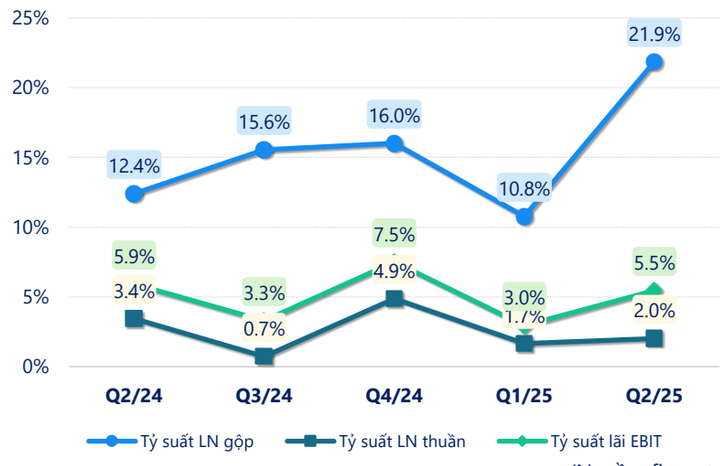

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

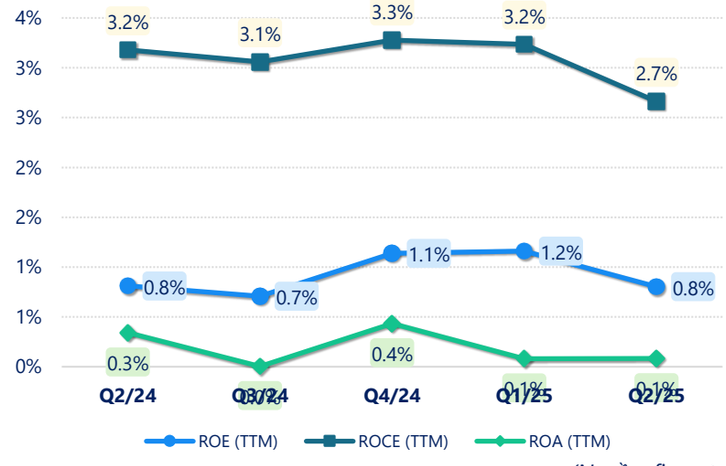

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

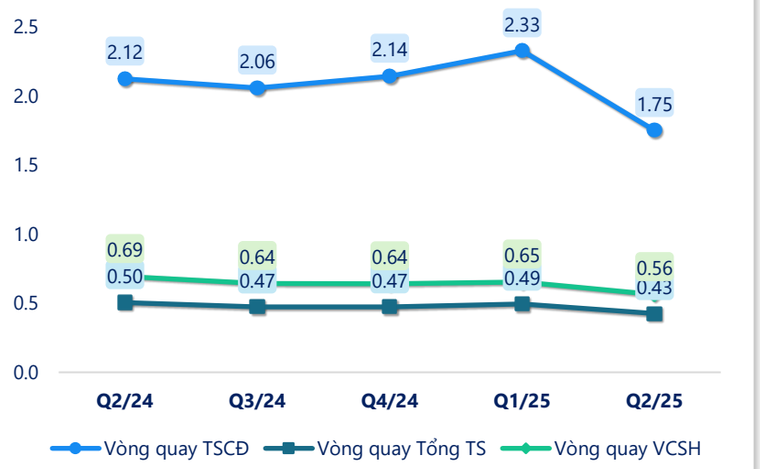

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

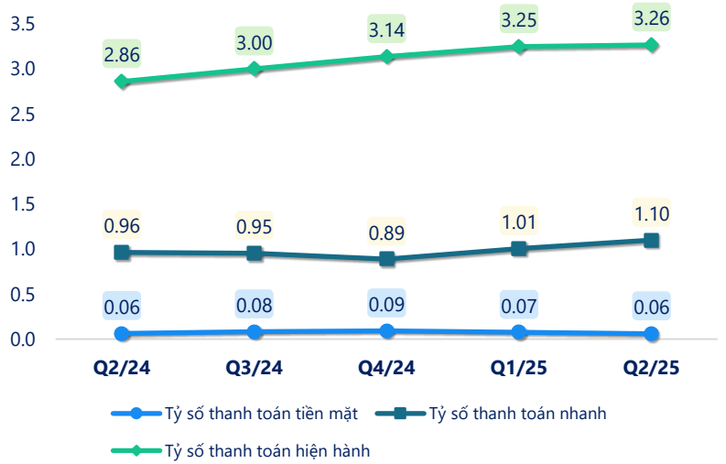

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

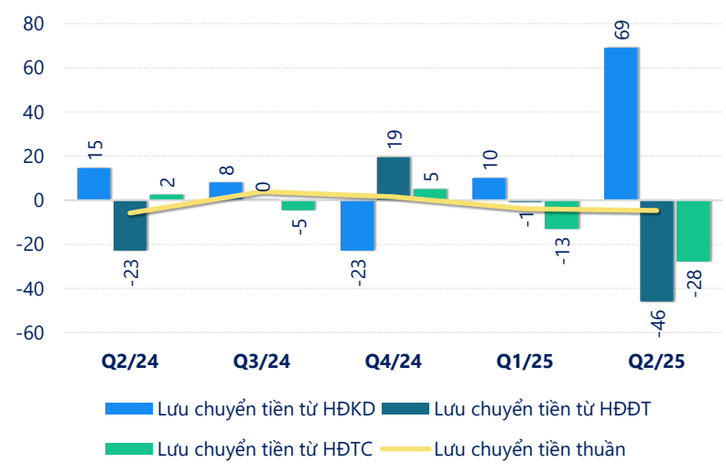

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Mirae (HSX: KMR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**833**	**861**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	602	657	-8.3%
Tiền và tương đương tiền	10.9	19.0	-42.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	189	163	16.0%
Hàng tồn kho	399	471	-15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.79	4.01	-30.4%
Tài sản dài hạn	**231**	**204**	**13.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	212	186	14.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.06	5.59	26.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.6**	**12.6**	**-7.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	185	214	-13.3%
Nợ ngắn hạn	**184**	**212**	**-12.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	166	-23.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	33.9	19.9	70.6%
Nợ dài hạn	0.88	2.03	-56.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.88	2.03	-56.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**648**	**647**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**648**	**647**	**0.1%**
Vốn điều lệ	569	569	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	128	88.2	97.6	108	69.7
Giá vốn hàng bán	112	74.4	82.0	96.1	54.5
Lợi nhuận gộp	15.9	13.7	15.6	11.6	15.2
Doanh thu HĐTC	3.12	-0.35	2.84	0.34	1.10
Chi phí TC	3.88	2.58	4.55	2.49	2.95
Chi phí lãi vay	3.49	2.81	2.70	2.49	2.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.48	5.30	3.84	3.66	4.36
Chi phí QLDN	5.23	4.83	5.33	3.99	7.63
LN thuần từ HĐKD	4.41	0.65	4.76	1.80	1.41
Lợi nhuận khác	-0.32	-0.55	-0.13	-1.11	-0.22
LN trước thuế	4.09	0.10	4.63	0.69	1.20
Lợi nhuận sau thuế	2.99	0.03	3.76	0.69	0.70
LNST của CĐ cty mẹ	2.99	0.03	3.76	0.69	0.70

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.5	8.04	-22.8	10.1	69.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.8	0.44	19.4	-0.87	-46.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.48	-4.59	5.01	-13.0	-27.8
Tiền đầu kỳ	19.4	14.2	17.4	19.0	15.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.81**	**3.88**	**1.61**	**-3.81**	**-4.68**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.61	-0.61	0	0	0.31
Tiền cuối kỳ	14.2	17.4	19.0	15.2	10.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic